TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/**2025/KDTM-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Võ Thị Xuân Đào.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/8/2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – TP.HCM (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-KDTM ngày 31/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-KDTM ngày 09/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-KDTM ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: 89 Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.
Liên hệ: tầng 1, toà nhà ACM, số 96 Đường C, Phường B, Quận B, TP.HCM (nay là phường B).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn V – Theo Văn bản ủy quyền số 11625/2024/UQN-PGD ngày 09/10/2024 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH thương mại T .

Địa chỉ: 10-12 đường 59, Phường B, TP.HCM.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Duy T, chức danh: Giám đốc;
Cư trú: 10-12 đường 59, Phường B, TP.HCM (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Duy T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)
2/ Bà Nguyễn Tú T, sinh năm: 1981(vắng mặt)
Cùng cư trú: 10-12 đường 59, Phường B, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH thương mại T (công ty T) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) theo Hợp đồng cho vay Số: BEN/23018 ngày 28/02/2023. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng). Thời hạn cho vay: 12 tháng (Bằng chữ: Mười hai tháng). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, sản xuất và thương mại bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy.

Theo các văn kiện tín dụng kèm theo thì Công ty TNHH thương mại T đã vay vốn tại Ngân hàng V với tổng số tiền nhận nợ là 614.611.745 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng), theo Khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ Số: 280224-5975483-ONL-25 ngày 28/02/2024, số tiền vay: 214.611.745 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*). Thời hạn vay: 6 tháng (Bằng chữ: Sáu tháng). Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13 %/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ. Tạm tính đến ngày 25/8/2025, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền: 10.352.641 đồng, trong đó thanh toán 204.336 đồng tiền gốc, 10.148.305 đồng tiền lãi. Còn nợ tại Ngân hàng V số tiền 263.987.906 đồng, trong đó nợ gốc là 214.407.409 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.870.520 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.454.446 đồng, Nợ lãi chậm trả là 255.531 đồng.

- Khế ước nhận nợ Số: 280224-5975483-ONL-26 ngày 28/02/2024, số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 6 tháng (Bằng chữ: Sáu tháng). Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13 %/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ. Tạm tính đến ngày 25/8/2025, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền: 18.732.312 đồng, trong đó thanh toán 0 đồng tiền gốc và 18.732.312 đồng tiền lãi. Còn nợ tại Ngân hàng V số tiền 487.961.624 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 82.915.068 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.570.702 đồng, Nợ lãi chậm trả là 475.854 đồng.

Như vậy, tạm tính đến ngày 25/8/2025, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền:

Gốc : 204.336 đồng
Lãi : 28.880.617 đồng
Tổng : 29.084.953 đồng

Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng

Tại mục 2 – Quá trình thực hiện Hợp đồng trong Đơn khởi kiện đề ngày 9/10/2024, Do có sự cố trong việc đánh máy nên Ngân hàng V có sai sót trong việc trình bày số tiền thanh toán, cụ thể: Tạm tính đến ngày 05/10/2024, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán cho Ngân hàng V, bao gồm:

- Nợ gốc: 614.407.409 đồng
- Nợ lãi: 28.154.140 đồng

- Tổng: 642.561.549 đồng

Nay Ngân hàng V xin giải trình và sửa đổi thông tin số tiền thanh toán tạm tính tới ngày 05/10/2024 của Công ty TNHH thương mại T, cụ thể như sau: Tạm tính tới ngày 05/10/2024, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán cho Ngân hàng V, bao gồm:

Gốc : 204.336 đồng

Lãi : 28.880.617 đồng

Tổng : 29.084.953 đồng

Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng

Về cách tính lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi, căn cứ tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục các thoả thuận cụ thể về cho vay kèm theo Thoả thuận khung số BEN/23018/TTK ký ngày 28/02/2023 giữa Ngân hàng V và Công ty TNHH thương mại T, các bên đã thoả thuận như sau:

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả lãi áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cách thức tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi được xác định như sau:

* Tiền lãi trong hạn (=) số dư thực tế (x) số ngày duy trì số dư thực tế (x) lãi suất trong hạn (/) 365 ngày.

* Tiền lãi quá hạn (=) số dư thực tế (x) số ngày duy trì số dư thực tế (x) lãi suất quá hạn (/) 365 ngày.

* Tiền lãi chậm trả lãi (=) số dư lãi lũy kế trong hạn (x) số ngày quá hạn (x) 10% (/) 365 ngày.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng V và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau:

- *Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Ngô Duy T theo Hợp đồng bảo lãnh Số: BEN/23018/HDBL-01 ngày 28/02/2023.*
- *Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của bà Nguyễn Tú T theo Hợp đồng bảo lãnh Số: BEN/23018/HDBL-02 ngày 28/02/2023.*

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH thương mại T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH thương mại T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty TNHH thương mại T cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Khoản nợ của Công ty TNHH thương mại T chuyển quá hạn từ ngày 11/08/2024 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định. Tạm tính đến hết ngày 25/8/2025, Công ty TNHH thương mại T còn nợ tại Ngân hàng V số tiền sau:

- Nợ gốc : 614.407.409 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 7.025.148 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 129.785.588 đồng
- Lãi chậm trả : 731.385 đồng

Tổng cộng : 751.949.530 đồng (Bảy trăm năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng).

Vì vậy, kính đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu như sau:

1/. Buộc Công ty TNHH thương mại T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 25/8/2025 là:

- Nợ gốc : 614.407.409 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 7.025.148 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 129.785.588 đồng
- Lãi chậm trả : 731.385 đồng

Tổng cộng : 751.949.530 đồng (Bảy trăm năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 26/8/2025 Công ty TNHH thương mại T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

2/. Trường hợp Công ty TNHH thương mại T không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên thì ông Ngô Duy T và bà Nguyễn Tú T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH thương mại T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng V.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH thương mại T vắng mặt nên không có lời trình bày.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Ngô Duy T và Bà Nguyễn Tú T vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Tại phiên tòa:*

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn* có đơn xin vắng mặt và *có bản khai đề nghị g*iữ nguyên yêu cầu khởi kiện như phần trình bày yêu cầu nói trên.

Bị đơn: Vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Duy T và Bà Nguyễn Tú T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm: thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần HĐXX, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về phần thủ tục, phần hỏi và phần tranh luận, HĐXX cũng thực hiện đúng quy định.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 275, 335 336, 357, 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 4 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH thương mại T, xét quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về Thẩm quyền lãnh thổ:

Căn cứ Công văn phúc đáp ngày 28/7/2025 của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH thương mại T có địa chỉ trụ sở chính tại 10-12 đường 59, Phường B, TP.HCM

Xét, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bị đơn thuộc điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – TP.HCM thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

[Về nội dung:

Theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 28/02/2023 giữa Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) và Công ty TNHH thương mại T (công ty T) đã ký Hợp đồng cho vay Số: BEN/23018 Số tiền vay:

3.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, sản xuất và thương mại bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy.

Theo 02 Khế ước nhận nợ Số: 280224-5975483-ONL-25 ngày 28/02/2024 và Khế ước nhận nợ Số: 280224-5975483-ONL-26 ngày 28/02/2024 thì bị đơn đã vay số tiền 214.611.745 đồng và 400.000.000 đồng. Sau khi vay bị đơn đã thanh toán được số tiền: 204.336 đồng tiền gốc và 28.880.617 đồng tiền lãi, tổng thanh toán: 29.084.953 đồng. còn nợ lại tiền gốc là 614.407.409 đồng.

Ngày 11/8/2024 nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

Căn cứ tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục các thoả thuận cụ thể về cho vay kèm theo Thoả thuận khung số BEN/23018/TTK ký ngày 28/02/2023 giữa Ngân hàng V và Công ty TNHH thương mại T quy định về cách tính lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi, các bên đã thoả thuận như sau: "*Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.*

Lãi suất chậm trả lãi áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được 29.084.953 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 614.407.409 đồng không tiếp tục thanh toán như thỏa thuận, bị đơn đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/08/2024 nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn. Căn cứ tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục các thoả thuận cụ thể về cho vay kèm theo Thoả thuận khung số BEN/23018/TTK ký ngày 28/02/2023, Xét thấy việc chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ, phù hợp với Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ Điều 466 Bộ Luật dân sự, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ gốc và lãi cùng số tiền phạt chậm trả lãi như đã tính chi tiết ở trên là có căn cứ chấp nhận.

Về biện pháp bảo đảm khoản vay của Công ty TNHH thương mại T được bảo lãnh như sau:

- *Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Ngô Duy T theo Hợp đồng bảo lãnh Số: BEN/23018/HDBL-01 ngày 28/02/2023.*
- *Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của bà Nguyễn Tú T theo Hợp đồng bảo lãnh Số: BEN/23018/HDBL-02 ngày 28/02/2023.*

Hội đồng xét xử xét thấy: Về hình thức và nội dung của các Hợp đồng bảo lãnh là đúng quy định của pháp luật, các bên đã hoàn toàn tự nguyện ký kết, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn nên các Hợp đồng bảo lãnh nói trên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 342 Bộ luật dân sự, nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Duy T và bà Nguyễn Tú T liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký trong trường hợp bị đơn không

thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc và lãi như đã tính chi tiết ở trên là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, từ các căn cứ trên thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay số: BEN/23018 ngày 28/02/2023, Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/23018/HDBL-01 ngày 28/02/2023 và Hợp đồng bảo lãnh Số: BEN/23018/HDBL-02 ngày 28/02/2023 ký giữa Ngân hàng V và ông Ngô Duy T và bà Nguyễn Tú T là có cơ sở chấp nhận.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH thương mại T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; Điều 228 ; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 342, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Cụ thể:

1/ Buộc Công ty TNHH thương mại T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu (tạm tính đến hết ngày 25/8/2025) là:

- Nợ gốc : 614.407.409 đồng.
- Nợ lãi trong hạn : 7.025.148 đồng.
- Nợ lãi quá hạn : 129.785.588 đồng.
- Lãi chậm trả : 731.385 đồng.

Tổng cộng : 751.949.530 đồng (Bảy trăm năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày 26/8/2025, Công ty TNHH thương mại T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

2/ Trường hợp Công ty TNHH thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tổng cộng nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn thì ông

Ngô Duy T và bà Nguyễn Tú T phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH thương mại T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với nguyên đơn.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Các bên thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 34.077.981 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.851.231 đồng theo biên lai thu số 0010379 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 3;
- Phòng THA DS khu vực 3;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Ngọc Như Chi	**Nguyễn Thị Lưu Ly**	**Tô Thanh Sang**